

# Xy lanh kẹp loại song song HGPM-08-EO-G6

Số bộ phận: 197559

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                   | 8                                                             |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                  | 2 mm                                                          |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                                 | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gấp tối đa hàm góc chơi riu, ay                           | 0.5 °                                                         |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                       | 0.03 mm                                                       |
| Độ chính xác lặp lại kẹp                                     | 0.05 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                                  | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                          | khí nén                                                       |
| Nguyên tắc vận hành                                          | tác động đơn lẻ<br>mở                                         |
| Chức năng kẹp                                                | Song song                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                                     | không có                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                            | Mặt phẳng nghiêng                                             |
| Phát hiện vị trí                                             | không có                                                      |
| Áp suất vận hành                                             | 4 bar...8 bar                                                 |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                               | 4 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)             | 4.9 ms                                                        |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 2.3 ms                                                        |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài            | 5 g                                                           |
| Môi chất vận hành                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                         | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                      |
| Tuân thủ LABS                                                | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                               | 5 °C...60 °C                                                  |
| Bồi thường lực lò xo                                         | 4 N...6 N                                                     |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)                | 16 N                                                          |
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 8 N                                                           |
| Mô-men quán tính khối lượng                                  | 0.00922 kgcm <sup>2</sup>                                     |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                              | 10 N                                                          |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh          | 0.1 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh                       | 0.1 N m                                                       |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh                       | 0.1 N m                                                       |

| Đặc tính             | Giá trị                    |
|----------------------|----------------------------|
| trọng lượng sản phẩm | 19 g                       |
| Kiểu gắn             | với lỗ xuyên               |
| Cổng nối khí nén     | M3                         |
| Ghi chú vật liệu     | Tuân thủ RoHS              |
| Vật liệu nắp che     | POM                        |
| Vật liệu vỏ          | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa |
| Hàm kẹp vật liệu     | thép hợp kim               |